



Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ

Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục

website: [sj.ctu.edu.vn](http://sj.ctu.edu.vn)

DOI:10.22144/ctu.jvn.2019.011

**THƠ TRẦN HUIỀN AN TRÊN TẠP CHÍ BÁCH KHOA**

Bùi Thanh Thảo

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Bùi Thanh Thảo (email: [btthao@ctu.edu.vn](mailto:btthao@ctu.edu.vn))

**Thông tin chung:**

Ngày nhận bài: 25/07/2018

Ngày nhận bài sửa: 16/11/2018

Ngày duyệt đăng: 27/02/2019

**Title:**

Tran Huien An's poetry in Bach Khoa Magazine

**Từ khóa:**

Tạp chí Bách Khoa, thơ Trần Huệ Ân, văn học ở đô thị miền Nam

**Keywords:**

Bach Khoa magazine, literature in the Southern urban area, Tran Huien An's poetry

**ABSTRACT**

Tran Huien An is one of the noteworthy poets in Southern urban area of Vietnam before 1975. He published many poems on "Bach Khoa" which is a famous magazine at that time. This article is aimed to examine the value of Tran Huien An's poetry as well as his contributions to the literature stream in the southern urban area before 1975 by studying some of the poems. His poetry is the voice from a warm-hearted and thoughtful artist. We can feel his emotions for the homeland, family, compatriots and friends... from his works. His poetry has contributed to the poetry and literary appearance in Southern urban area that is a part of Vietnamese literature.

**TÓM TẮT**

Trần Huệ Ân là một trong số những cây bút đáng chú ý ở đô thị miền Nam trước 1975. Ông có khá nhiều thơ đăng trên tạp chí Bách Khoa, một tờ tạp chí rất nổi tiếng ở miền Nam lúc ấy. Bài viết này khảo sát thơ của Trần Huệ Ân trên Bách Khoa để đánh giá giá trị tác phẩm cũng như những đóng góp của tác giả đối với văn học ở đô thị miền Nam trước năm 1975. Thơ ông là tiếng nói của một trái tim chân thành, nồng ấm và cũng lắm suy tư. Ở đó, chúng ta bắt gặp những tình cảm về mái trường, gia đình, bạn bè, về quê hương, đồng bào... Thơ ông góp phần điểm tô thêm hương sắc cho thơ ca và cho văn học ở đô thị miền Nam, một bộ phận của văn học nước nhà.

Trích dẫn: Bùi Thanh Thảo, 2019. Thơ Trần Huệ Ân trên tạp chí Bách Khoa. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(1C): 82-88.

**1 ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trần Huệ Ân tên thật là Trần Sĩ Huệ, quê quán Phú Yên. Ông là một người khá đặc biệt, bởi ngoài việc "gõ đầu trẻ", ông còn thực hiện cùng lúc hai công việc mà không phải ai cũng dung hoà được: sáng tác và nghiên cứu. Sau 1975, những nghiên cứu về văn hoá dân gian gắn với vùng đất Phú Yên giúp ông "ghi danh" một cách chắc chắn trong lĩnh vực này, có giai đoạn 10 năm liền ông đều có công trình nghiên cứu đoạt giải. Năm 2017, ông được tặng giải thưởng Nhà nước về Văn hoá dân gian. Tuy nhiên, trước 1975, ông chủ yếu được biết đến như một ngôi bút của thơ và truyện ngắn, trong đó có rất nhiều thơ đăng trên tạp chí Bách Khoa.

Tạp chí Bách Khoa là tờ tạp chí tồn tại thuộc loại lâu đời nhất ở miền Nam giai đoạn 1954-1975. Trong bối cảnh lúc bấy giờ, ở các đô thị miền Nam, báo chí nở rộ nhưng lại khó tồn tại lâu, việc bị kiểm duyệt, đình bản, đóng cửa khiến số phận các tờ báo trở nên lộn độn – nhất là những tờ không nghiêng hẳn về chính quyền đương thời. Bách Khoa là trường hợp hiếm hoi không thiên về bên nào và vẫn tồn tại lâu dài. Từ số đầu tiên phát hành ngày 15 tháng 1 năm 1957, Bách Khoa đã đồng hành với bạn đọc đến năm 1975 với 426 số. Trong 18 năm "tuổi thơ" của Bách Khoa, Trần Huệ Ân đã gắn bó đến hơn 11 năm. Ngoài 1 bài bút ký và 2 truyện ngắn, sáng tác của Trần Huệ Ân đăng trên Bách Khoa

chủ yếu là thơ, từ số 110 (năm 1961) đến số 378 (cuối năm 1972). Đọc thơ ông, người ta cảm nhận được một trái tim nồng ấm chân thành và thấy được chân dung một trí thức nặng suy tư trước thời cuộc.

Mảng văn học đô thị miền Nam 1954-1975 cho đến nay vẫn là mảnh đất chưa được cày xới nhiều. Những công trình đã có ở Việt Nam về văn học đô thị hầu như chủ yếu tập trung vào bộ phận văn học yêu nước. Có thể kể đến một số công trình như *Tiếng hát những người đi tới* (Lê Hoàng và ctv., 1993), *Văn học yêu nước tiền bộ - cách mạng trên văn đàn công khai Sài Gòn 1954 – 1975* (Viễn Phương và ctv., 1997), *Nhìn lại một chặng đường văn học* (Trần Hữu Tá, 2000)... Ở những công trình này, các tác giả chủ yếu tập trung vào phác thảo diện mạo văn học yêu nước ở đô thị, vì thế chú trọng nghiên cứu từng tác giả và ít quan tâm đến những sáng tác thơ văn được công bố trên các tạp chí, chuyên san văn học.

Ở hải ngoại cũng có một số công trình viết về văn học miền Nam như *Văn học miền Nam* (Võ Phiến, 1999), *Văn học miền Nam* (Huỳnh Ái Tông, 2009)... Trong công trình của mình, Huỳnh Ái Tông chỉ nhắc tên tạp chí Bách Khoa như một trong những ấn phẩm xuất hiện ở miền Nam (Huỳnh Ái Tông) mà không có sự mô tả nào khác, và trong danh mục tác giả được giới thiệu cũng không có Trần Hữu Ân. Điều này có thể được lý giải bởi số cây bút ở miền Nam lúc bấy giờ rất nhiều, và Trần Hữu Ân khi ấy vẫn là một tác giả trẻ, không xuất hiện trên quá nhiều tờ báo. Như chính tác giả sau này bộc bạch trong bài phỏng vấn "*Trần Hữu Ân và 3 mối duyên văn nghệ*": "...cộng tác với tạp chí Bách Khoa, tôi quen được nhiều bạn văn nghệ, kể cả những người lớn tuổi và có uy tín. Hồi ấy tôi thuộc loại trẻ, cả tuổi đời lẫn tuổi văn" (Hà Phan, 2004).

Hiện nay, một số trang web như Nhà văn TP.Hồ Chí Minh, thica.net,... cũng có giới thiệu tiểu sử của ông, nhưng rất ngắn gọn. Một số bài phỏng vấn trên báo như *Trần Hữu Ân và 3 mối duyên văn nghệ* (Hà Phan, 2018) chỉ phỏng vấn sơ lược về ông mà không tập trung nhiều vào mảng thơ ca.

Như vậy, những nghiên cứu về thơ ca Trần Hữu Ân nói chung, thơ trên tạp chí Bách Khoa nói riêng, hầu như còn bỏ ngỏ. Ở đây, người viết chủ yếu sử dụng tư liệu văn bản tạp chí Bách Khoa cùng với phương pháp thống kê, phân tích – tổng hợp, so sánh,... để tìm hiểu đóng góp cũng như hạn chế của thơ Trần Hữu Ân trên Bách Khoa.

## 2 THƠ TRẦN HỮU ÂN - TIẾNG NÓI CỦA MỘT TRÁI TIM NỒNG ẤM, CHÂN THÀNH

Thơ ca là tiếng nói tình cảm, là bộc bạch của trái tim, vì thế tình cảm trong thơ thường cũng là yếu

tố đầu tiên thu hút người đọc. Ở đô thị miền Nam lúc bấy giờ, sự bất ổn về chính trị khiến thơ ca cũng chia thành nhiều hướng. Trong bộ phận văn học công khai ở đô thị, hầu hết các sáng tác đi theo hai hướng: chống đối cách mạng hoặc ca ngợi chính quyền Sài Gòn. Trong bối cảnh đó, Trần Hữu Ân lại có một hướng đi riêng. Ông không thường viết về thời cuộc hay "quốc sự" mà chỉ là những việc nhỏ hàng ngày, những mối quan hệ riêng tư, tất cả đều mang đến cho người đọc cảm xúc nhẹ nhàng mà sâu lắng. Đọc thơ Trần Hữu Ân, người ta cảm thấy được sự rung động chân thành của một trái tim nồng ấm.

### 2.1 Tâm tình với mái trường

Không khó để lý giải vì sao những gì liên quan đến mái trường chiếm một vị trí đáng kể trong thơ Trần Hữu Ân trên tạp chí Bách Khoa. Là một thầy giáo, ông gắn bó nhiều với trường lớp, và cũng vì thế mà tâm tình ông gửi gắm nơi ấy cũng rất sâu nặng. Những vui buồn, suy tư từ nghề giáo hiện diện trong thơ Trần Hữu Ân một cách tự nhiên, như tất yếu phải thế. Bài thơ *Nói với những mùa xuân phía dưới* là cảm xúc của thầy giáo khi ngồi xem học trò làm bài. Lũ trẻ không làm bài được, hay lơ đãng, thầy trách chúng nhưng nghĩ lại mình cũng không khác gì chúng.

*Xuân trời đất mênh mông từ vạn kỷ*

*Xuân nước nhà quặn quai máu xương phơi*

*Tôi sớm ngu si, không viết trọn lời*

*Thì sao giận những...mùa xuân phía dưới?*  
(Bách Khoa, số 361-362)

Không chỉ là chút cảm xúc vu vơ từ công việc, người thầy nhìn lũ trẻ mà nghĩ đến trách nhiệm của mình với đất nước. Thầy tự trách mình cũng *không viết trọn lời* trước cảnh nước nhà chìm trong cảnh máu xương. Ý thức trách nhiệm ấy đâu sao cũng là điều đáng quý. Trong một tác phẩm khác, *20 năm thôi học*, Trần Hữu Ân bày tỏ tình cảm dành cho học trò, cho tuổi trẻ của mình và cho con đường văn nghiệp mình đã chọn. Ở đây trường lớp cũng là nguồn cảm hứng, là cầu nối để tác giả suy tư về nghiệp cầm bút:

*Đời khinh bạc những kẻ làm thi sĩ*

*Nhưng ngàn năm hồn thơ vẫn không già*

*Nhưng ngàn năm tình thơ vẫn bao la*

*Để nói cho đời những lời chân thật*

*Những lời vì danh lợi sân si đời đà quên mất...*  
(Bách Khoa, số 369)

Có cái gì đó rất giống nhau giữa nghề giáo và nghiệp văn: sự âm thầm lặng lẽ, chịu sự bạc bẽo của

đời nhưng vẫn như kiếp tằm rút ruột nhả tơ, dành những gì đẹp nhất tặng lại cho đời.

Trong những bài thơ Trần Huệ Ân viết về trường lớp, hay nhất có lẽ là những dòng nhắc lại kỷ niệm với thầy cô, bè bạn. Người đọc cảm thấy hết sức thú vị khi ông giáo nhắc kỷ niệm thuở học trò của mình, chẳng hạn khi ông tâm sự với thầy cũ (một người thầy rất nổi tiếng trên văn đàn: Võ Hồng):

*“-Con: con chim nhỏ xa bầy cũ*

*Vẫn nhớ cảnh xưa với nẻo đường...” (Vẫn nhớ cảnh xưa) (Bách Khoa, số 110)*

Giọng thơ tha thiết, có chút buồn ngủi, đượm màu sắc hoài niệm nhưng lối xưng “con” vẫn khiến người ta hình dung ra cậu trò nhỏ đang vui chuyện bên thầy thuở nào. Ở nơi “cảnh xưa” ấy, cậu học trò còn biết bao kỷ niệm. Đây là kỷ niệm về người bạn cùng mái xem chim sẽ bị thầy phạt, tan học về mái hái hoa cỏ may bị cha rầy (*Cỏ may*) (Bách Khoa, số 144). Đây là nỗi nhớ con đường đi học xanh màu lá mạ:

*Màu lá mạ. Ôi sao mà quyến rũ*

*Trong không gian xưa ngọt sữa sinh thành... (Màu lá mạ) (Bách Khoa, số 204)*

Ái đã từng đi qua tuổi thơ chôn đồng quê có lẽ đều ít nhiều có chung những câu chuyện đẹp như thế. Tuy nhiên những kỷ niệm học trò trong thơ Trần Huệ Ân không hẳn chỉ là cái trong trẻo hồn nhiên tuổi nhỏ. Hầu như bao giờ cũng vậy, người ta bắt gặp trong thơ ông cái lấp lánh vui tươi của quá khứ và sự suy tư, buồn ngủi, trầm trở của hiện tại:

*Hỡi Thân! Hỡi Vinh! Hỡi Thành! Hỡi Lãng!*

*Những ngày xưa ruỗi ngựa, những con đường*

*Đã theo hồn các anh về dĩ vãng*

*Chỉ còn tôi...tay cũng lỡ buông cương... (Con đường tuổi nhỏ) (Bách Khoa, số 273)*

Không riêng Trần Huệ Ân mà trong giai đoạn sáng tác này, nhiều cây bút (cả thơ và truyện ngắn) có những tâm tư gắn liền với thời cuộc như thế. Sự phân chia hai miền Nam – Bắc, sự phân đôi chiến tuyến, phân rẽ đường đời khiến những cái tên bạn bè quen thuộc chỉ còn là hoài niệm. Chiến tranh và dòng xoáy của nó đã cuốn những người bạn đi về các hướng khác nhau, thậm chí kẻ còn người mất. Người đi thành dĩ vãng, kẻ ở lại rơi vào cảnh *tay cũng lỡ buông cương*, tình cảnh khiến người ta không khỏi ngậm ngùi. *Những bài học mùa đông* cũng chứa sự ngậm ngùi của một người lính góic chữ trả thầy, bước vào chiến trận, mọi mơ ước ngày xưa tan tành theo mây khói. Những tâm tình ấy, người đọc có thể tìm thấy khá nhiều trong văn học ở đô thị miền Nam 1954-1975, bởi nó là tâm tư của đời

thường, là tiếng nói đầy trầm trở của con người ý thức về mình, về đời nhưng nhiều khi bất lực. Điều đọng lại trong lòng người đọc qua những vần thơ của Trần Huệ Ân chính là cái tình sâu nặng với nghề, với nghiệp, là tâm tình của một trí thức trước thời cuộc.

## 2.2 Tâm tình với người thương

Trong những tác phẩm Trần Huệ Ân đăng trên Bách Khoa, thơ tình không nhiều, nhưng cũng cho thấy sự thống nhất trong tâm tư của một kẻ nặng chữ tình và cũng lắm suy tư. Hoài niệm tình yêu của Trần Huệ Ân, có lẽ cũng giống như nhiều người khác, bao giờ cũng chứa những điều tươi đẹp, ngọt ngào. Có lẽ nhiều người sẽ tìm thấy hình ảnh tuổi nhỏ của mình qua đôi bạn học trò riu rít bên nhau, những ngày đến trường là những ngày cùng nhau hái hoa hút mật. Tình cảm ngọt ngào trong trẻo ấy vẫn được lưu giữ dù người đã xa xôi:

*Hàng mút mật giờ lên cao quá với,*

*Chúng mình lên tuổi khôn lớn, ra đi...*

*Hoa mút mật tâm tay không với tôi,*

*Chúng mình xa nhau: phố hội – biên thủy... (Hoa hút mật) (Bách Khoa, số 151)*

Hàng hoa hút mật theo thời gian đã cao lớn, đã khỏi tầm tay với, cũng như kỷ niệm đã vơi xa đối với những người trong cuộc. Cũng cùng một mạch cảm xúc như thế, người ta tìm thấy ở *Bài thơ mười năm* cái lưu luyến ngậm ngùi trong nỗi nhớ người xưa. Câu hỏi “*Xưa của ai và nay tựa bên ai?*” vẫn nhẹ nhàng nhưng buồn ngủi, day dứt (Bách Khoa, số 117). Thơ Trần Huệ Ân là vậy, luôn có một chút lưu luyến, một chút suy tư, tất cả đều nhẹ nhàng và dễ đi vào lòng người.

Trong số khoảng 40 bài thơ của Trần Huệ Ân trên Bách Khoa, có một đối tượng gọi cảm hứng rất dễ thương mà cũng rất thiêng liêng ở ông, đó là con trẻ. Những bài thơ dành cho con như lời tâm tình thủ thi, là lời nói với con mà cũng là tự nói với mình:

*Cha không nói cha vì con vui sống;*

*Trái lại, nhờ con cha mới sống vui.*

*Con quay nhìn thời thơ không thất vọng?*

*Hay cũng như ai, tui phận, ngậm ngùi? (Khi con nửa tuổi) (Bách Khoa, số 159)*

Người ta thường nhắc đến công ơn cha mẹ sinh thành dưỡng dục, và trong những lúc khó khăn, cha mẹ thường nói mình vì con mà sống. Nhưng Trần Huệ Ân cho chúng ta một cái nhìn khác, vừa quen vừa lạ: không phải vì con vui sống mà là nhờ con cha mới sống vui. Một sự thay đổi nhỏ trong câu chữ nhưng chứa đựng điều thiêng liêng trong quan hệ

giữa cha mẹ - con cái: đó không phải quan hệ cho đi một chiều, mà chính cha mẹ cũng nhận từ con trẻ niềm vui sống, niềm hạnh phúc ở đời. Cái nhìn công bằng ấy thể hiện sự trân trọng của tác giả đối với niềm hạnh phúc được làm cha mẹ. Người đọc cảm nhận được ở những câu thơ như thế không chỉ tình yêu con mà còn là giá trị nhân văn sâu sắc của một ngòi bút vì con người.

Nhưng, cũng như những đề tài khác trong thơ Trần Huyền Ân, và cũng như một lẽ tự nhiên giữa đời thường, tình yêu đối với con trẻ cũng không tránh khỏi nỗi muộn phiền:

*Cha nó nghèo, lương giáo viên phụ khuyết*

*Ông nó già, mẹ nó yếu... buồn chưa!?*

*Làng quê nó - đến bao giờ nó biết? -*

*Đã cháy rồi! Còn tro bụi, nắng mưa! (Khi con  
nửa tuổi) (Bách Khoa, số 159)*

Đoạn thơ liệt kê dồn dập những hình ảnh thân thương đối với tất cả mọi người: cha mẹ, ông bà, làng quê,... Nhưng những định ngữ, vị ngữ cho các danh từ thân thương ấy cũng dồn dập đuổi nhau, và dồn nén cả vào đứa trẻ vừa nửa tuổi: cha nó nghèo, mẹ nó yếu, ông nó già, làng quê nó cháy rồi... Người ta luôn muốn dành điều tốt đẹp nhất cho con trẻ, nhưng trong trường hợp này hình như những điều xót xa buồn tủi lại chờ đón bé nhiều hơn. Và khi đây là tiếng lòng của người cha dành cho đứa con thơ bé, người đọc có thể hình dung được sự đau đớn của bậc sinh thành khi bất lực trước tương lai con trẻ.

Trần Huyền Ân dành rất nhiều tình cảm đối với những người yêu thương mình, theo cách gần gũi nhưng cũng vô cùng sâu sắc. Người đọc cảm nhận được tấm lòng của ông và cũng không ít lần ngậm ngùi xót xa vì những tâm tình sâu lắng ấy.

### 2.3 Tâm tình ám áp đối với cuộc đời

Thơ Trần Huyền Ân không chỉ là phút trải lòng về kỷ niệm, về tình yêu, về gia đình, mà còn là cái nhìn ám áp đối với cuộc sống. Trái tim nhạy cảm của ông không chỉ xót xa cho thiệt thòi của mình, của con mà còn trăn trở, day dứt trước thiệt thòi của bao đứa trẻ bị đẩy vào vòng xoáy chiến tranh. Bất cứ ai đi ngoài phố cũng có thể nhìn thấy những đứa trẻ buồn bán mưu sinh:

*Bốn năm tuổi mũi thông chưa lau sạch*

*Đã tranh đua chen chúc với đời (Hẹn xưa)  
(Bách Khoa, số 240)*

Nhưng không phải ai nhìn thấy cảnh ấy cũng tự trách mình như Trần Huyền Ân:

*Bán đi em, nhanh nhanh về đi học*

*Rời thả trâu, rời bế bé, trông nhà*

*Tôi xét mình xin cúi đầu trách móc*

*Bao lỡ làm thiếu sót phận anh cha (Hẹn xưa)  
(Bách Khoa, số 240)*

Lời thơ như lời tự vấn của tác giả, như lời tự trách của một người lớn trước trẻ thơ. Đứa bé nhem nhuốc vừa *tranh đua chen chúc với đời* vừa phải *thả trâu, bế bé, trông nhà*; còn chuyện đi học tựa như việc em phải tranh thủ chứ không phải là việc được ưu tiên. Hình ảnh thơ làm người đọc nhói lòng. Nhưng điều an ủi người đọc chính là thái độ của tác giả, của chủ thể trữ tình xưng “tôi” trong bài thơ. Khi trẻ thơ bất hạnh, người ta thường đổ lỗi cho chiến tranh, cho cái nghèo, cho sự bất lực của cha mẹ, cho sự vô tình của người xung quanh, nhưng Trần Huyền Ân thì nhận lỗi về mình, dù đây là đứa trẻ không quen biết. Nhận cái *lỡ làm thiếu sót* của *phận anh cha* cũng là cách ông nhắc mình, nhắc những người lớn như mình về trách nhiệm đối với thế hệ tương lai.

Trong một bài thơ khác, *Nói với Khiết*, Trần Huyền Ân bày tỏ lòng thương xót trước đám tang đứa bé tên Khiết, đau đớn vì quê hương điêu tàn, trẻ em khổ nghèo, cái chết chờ chực bủa vây.

*Vùng nghĩa địa hàng hàng bia mộ trắng*

*Nín im hơi đón bước cháu xin vào*

*Chú thấy cả bầu trời sa xuống nặng*

*Cho bản kinh cầu cát bồng lên cao (Nói với  
Khiết) (Bách Khoa, số 230)*

Những bài thơ như thế không chỉ chứa chan tình nhân ái, lòng cảm thương mà còn trĩu nặng trách nhiệm của người lớn.

Tuy vậy, Trần Huyền Ân không phải là ngòi bút bi quan. Ông không theo đuổi khuynh hướng than gió khóc mưa, trách hờn thế cuộc. Giữa những khoảng lặng khi chứng kiến bao kiếp người lâm than trong chiến tranh, Trần Huyền Ân vẫn chất chứa niềm vui cuộc sống, để an ủi mình và an ủi người đọc. Cũng có lúc ông tìm lại được cảm xúc trong trẻo trẻ thơ khi nhìn đứa bé thả thuyền giấy ngay giữa đô thành:

*Anh chợt hỏi: thị thành dù chật chội*

*Vẫn có dòng mơ bén mộng khơi nguồn*

*Thả đi em... Mai thuyền xa đô hội*

*Nhập bạn bè say lướt sóng trùng dương...  
(Thuyền giấy) (Bách Khoa, số 163)*

Niềm vui của đứa trẻ vừa thả thuyền vừa nghe chim hót, ngửi hoa thơm ở quê nhà hay thả thuyền trong dòng nước mưa bị vẫn đục trên phố có lẽ đều



ngây thơ, hồn nhiên và đầy mơ ước như nhau. Đó cũng chính là nguồn năng lượng tích cực mà thơ Trần Huyền Ân mang lại cho người đọc trong bối cảnh miền Nam lúc bấy giờ.

### 3 THƠ TRẦN HUYỀN ÂN - TIẾNG NÓI ĐẦY SUY TƯ TRƯỚC THỜI CUỘC

Ở trên, người đọc đã cảm nhận thơ Trần Huyền Ân như là tiếng lòng của một trái tim nồng ấm. Nhưng ở giai đoạn 1954-1975, lịch sử dân tộc trải qua những biến thiên dữ dội, một người trẻ tuổi sống ở miền Nam như Trần Huyền Ân cũng khó có thể là người ngoài cuộc. Trần Huyền Ân khi ấy là một thầy giáo trẻ, và tất yếu những hoài niệm về quá khứ, những trăn trở, suy tư trước biến động của thời cuộc cũng in dấu sâu sắc vào thơ ông. Và ở phương diện này, thơ Trần Huyền Ân còn là tiếng nói đầy suy tư trước thời cuộc.

Có một điều cần nói ngay rằng, trong những bài thơ đăng trên Bách Khoa, Trần Huyền Ân hầu như không nhìn thời cuộc bằng nhãn quan chính trị. Ông nhìn cuộc chiến, nhìn những thân phận con người trong cuộc chiến bằng cái nhìn của một người Việt Nam, đau nỗi đau của đồng bào, buồn nỗi buồn chia cắt của đất nước.

Trong dòng suy tư của Trần Huyền Ân, người viết nhận thấy có hai vấn đề chính thường trở đi trở lại, đó là hoài niệm về thời kỳ kháng Pháp và suy ngẫm về trách nhiệm trước hiện tại. Âm hưởng của hai nội dung này có khác nhau nhưng đều mang nặng tâm tư của người thanh niên trước thực tại đất nước.

Khi đọc những bài thơ *Nỗi nhớ thâm cung, Mùa xuân trên cao, Hai ngọn La Hiên, Hoa vòi voi*,... người đọc dễ dàng tìm thấy niềm vui của chủ thể trữ tình khi gợi nhắc kỷ niệm kháng chiến chống Pháp. Đó là những năm tháng người người, nhà nhà dốc lòng vì đất nước, có gian khổ nhưng luôn tràn ngập tiếng cười:

*Xưa chung thù giặc Pháp đứng bên nhau  
 Chúng nó đến con đường tanh xác máu  
 Ná tên người uất hận ngút canh đầu  
 (...) Ta đã hát đêm mừng cơm lúa mới  
 Trao men cần êm mát cánh tay nương  
 Gõ ống điệu thanh cùi tàn nhà khói  
 Lối khuya về cỏ nếp dẫu chân sương (Nỗi nhớ  
 thâm cung) (Bách Khoa, số 360)*

Ngay cả trẻ thơ khi đó, dù nghèo khó nhưng vẫn được sống với mùa xuân ấm áp yêu thương:

*Dù vất vả mai làm trưa đủ nấu  
 Dù tuổi thơ không tám bánh đồng quà*

*Xuân vẫn thắm với tia nhìn phúc hậu*

*Xuân vẫn tình với nụ nhòe môi hoa. (Tìm lại  
 mùa xuân) (Bách Khoa, số 193-194)*

Hình ảnh đối lập được sử dụng để diễn tả niềm vui trong quá khứ (dù nghèo mà vui), nhưng hình ảnh đối lập cũng được tác giả dùng để bày tỏ nỗi buồn, sự đau đớn và cả thất vọng về bản thân khi đối chiếu quá khứ và hiện tại.

Một trong những bài thơ hay nhất của Trần Huyền Ân khi hoài niệm về quá khứ và trăn trở cho hiện tại chính là *Hoa vòi voi*. Bài thơ là câu chuyện về hai người bạn, thươ bé cùng học cùng chơi, có lần chia phe đánh trận, nhưng người thắng dễ dàng tha cho kẻ thua:

*Thằng tuần tiểu bắt được thằng do thám  
 Giữa đám vòi voi hoa trắng ven sông  
 Nó lưỡng lự nhìn mây trời tụ xám  
 Khẽ mỉm cười...tha đó...chạy đi ông...  
 (Bách Khoa, số 207)*

Rồi chiến tranh đầy họ về hai phía, mùa xuân gặp nhau ở quê nhà cũng chỉ còn im lặng, bởi *Muốn hé nên lời sợ chính mình nghe*. Nhưng điều đau đớn nhất lại chưa dừng ở đó:

*Rồi sau đêm bờ sông bom đạn rú  
 Một thằng đi thu dọn cánh kính hoàng  
 Lật xác quân thù...ôi...người bạn cũ  
 Giữa đám vòi voi hoa cuộn băng tang...  
 (Bách Khoa, số 207)*

Đám hoa vòi voi năm nào chứng kiến trò chơi hồn nhiên tuổi nhỏ, giờ là chứng nhân cho cuộc chia ly của hai người bạn bị chiến tranh ném về hai bên chiến tuyến. Tình cảnh của đôi bạn trong bài thơ cũng là tình cảnh của biết bao mối thâm tình người Việt lúc bấy giờ.

Ở nội dung trăn trở về thực tại, đa số thơ Trần Huyền Ân trên *Bách Khoa* có chủ thể trữ tình là một người đàn ông nhiều trải nghiệm, vì thế cách nhìn đời, nhìn thời cuộc, suy nghĩ về mình của chủ thể rất nghiêm túc. Điềm chung ở nhóm tác phẩm này là giọng điệu thường buồn bã, đầy ray rứt. Có một số bài thơ chủ thể trữ tình là người lính quân đội Sài Gòn, và điềm chung là chủ thể thường mờ mịt về lý tưởng, chỉ thấy chán ngán mệt mỏi trước cuộc chiến dài đằng đặc và lăm tang thương:

*Con buông trôi cuộc đời không lý tưởng  
 Chưa một lần toan ao ước say mê  
 Đêm gác ngời nhờ sao rừng định hướng  
 Đôi lòng về mẹ mẹ giữa trời quê (Trời quê mợ  
 mẹ) (Bách Khoa, số 237)*

Người lính gác đêm tình cờ phát hiện mình đang ngồi tựa vào một ngôi mộ, bia mộ gợi nhớ mộ mẹ anh ở quê nhà. Tâm tình của người con trở nên đầy xót xa, thương mộ mẹ ở trời quê, tự thấy mình sống không lý tưởng. Trong *Tìm lại mùa xuân*, chủ thể trữ tình cũng tự nhận mình

*“Hoà trong giọng lớp người quen sợ sống*

*Tôi cũng run cũng khóc cũng kêu gào”*  
(*Bách Khoa, số 193-194*)

Đó là kiểu sống của những thanh niên chỉ than khóc trước thực tại mà không biết làm gì và cũng không chịu làm gì để thay đổi thực tại. Lối sống đó khiến chủ thể cảm thấy ngượng ngùng có lỗi:

*Tôi gieo mình tự vẫn vũng từ chương*

*Niềm ưu tư ám mục ngã tư đường*

*(...) Tôi cúi xuống nhìn tôi, nghe hỏi ngượng*

*Nửa đời rên mãi điệp khúc buồn đau! (Đóm lửa lời ca) (Bách Khoa, số 222)*

Trong khi, nhìn ra xung quanh, chủ thể trữ tình lại thấy xót xa:

*Có gì ghé rợn trong im vắng*

*Một tiếng cười đâu chẳng được nghe? (Về Phước Bình) (Bách Khoa, số 349)*

Đó là sự hoang tàn đến rợn người của những làng xóm bị chiến tranh cướp đi sự trù phú. Và đó còn là nỗi đau trước cái chết của những chàng trai, cô gái, những cụ già, em bé

*Đã chết đi cho bom cười đạn réo*

*Cho xóm làng là gạch nát nền hoang*

*Cho đồng xanh giờ khô vàng cỏ héo*

*Cho thân yêu còn lại nỗi kinh hoàng (Năm năm dòng sông) (Bách Khoa, số 282)*

Người đàn ông ba mươi tuổi chứng kiến những biến thiên dữ dội của đời sống, cảnh yêu thương bỗng chốc biến thành kinh hoàng, để rồi chọn cho mình một lối đi:

*Ba mươi tuổi, cổ nhân rằng nhi lập?*

*Tôi xin về nhập cuộc với bà con*

*Xin đóm lửa đêm nay truyền nến thấp*

*Xin lời ca em hướng néo tâm hồn... (Đóm lửa lời ca) (Bách Khoa, số 222)*

Lời hát trong sáng đầy hy vọng của đứa bé 12 tuổi khiến chàng thanh niên 30 xấu hổ vì sự rên xiết buồn chán của mình. Anh chọn cho mình con đường *về nhập cuộc với bà con*, tức là nhập cuộc với đời sống nhân dân thay vì chỉ rên xiết và thụ động trông chờ như trước.

Trong thơ Trần Huyền Ân, kể cả những bài mà chủ thể trữ tình là người lính Sài Gòn, người đọc không bị đặt vào thế phải phân định ranh giới, phải bước về phía này phía kia, mà chủ yếu là những tâm tư rất người – về quê hương, về bạn bè, người thân, về nỗi buồn niềm đau khi sông đời tuổi trẻ không lý tưởng. Có lẽ đó chính là những tâm tư khiến người ta hiểu hơn về tác giả, về một bộ phận tuổi trẻ ở đô thị miền Nam.

#### 4 NHỮNG NÉT RIÊNG TRONG NGHỆ THUẬT THƠ TRẦN HUYỀN AN

Khi đọc thơ Trần Huyền Ân, có lẽ ấn tượng lớn nhất với người đọc về hình thức thơ chính là những câu thơ mượt mà với giọng điệu nhẹ nhàng, tình cảm. Người đọc yêu thích sự êm dịu sẽ tìm thấy ở thơ ông những lời thủ thi tâm tình về những đề tài quen thuộc. Như chúng tôi đã trình bày ở phần trên, Trần Huyền Ân không mượn thơ để bày tỏ quan điểm chính trị mà chủ yếu đi vào những điều bình dị của đời sống, vì thế giọng điệu nhẹ nhàng tình cảm là sự lựa chọn hợp lý nhất của ông. Đọc *Ông lão trồng hoa, Cỏ may, Thuyền giấy, Máu lá mạ, Trời quê mộ mẹ, Những bài học mùa đông, ...* người đọc có thể cảm nhận được điều đó. Đôi khi giọng tâm tình nhẹ nhàng ấy được pha với chút ngậm ngùi chua xót của nhân vật trữ tình:

*Dạn dầy lưng, súng trong tay*

*Lá thư em nhận chiều nay trong lòng*

*- Trời quê lửa ngập hai vòng*

*Nào ai bạn cũ còn mong ngày về? (Trước mặt rừng đêm) (Bách Khoa, số 251)*

Một loại giọng điệu nữa cũng khá phổ biến trong thơ Trần Huyền Ân là giọng buồn thương, ray rứt. Sự buồn thương trong thơ ông không phải là than gió khóc mưa mà gắn với sự day dứt trước thời cuộc, day dứt về trách nhiệm đối với đồng bào. *Hoa hút mật, Khi con nửa tuổi, Tìm lại mùa xuân, Hoa vôi voi, Đóm lửa lời ca, Nói với Khiết, ...* là những bài thơ như thế.

*Hỡi Thân! Hỡi Vinh! Hỡi Thành! Hỡi Lãng!*

*Những ngày xưa ruổi ngựa, những con đường*

*Đã theo hồn các anh về dĩ vãng*

*Chỉ còn tôi...tay cũng lỡ buông cương... (Con đường tuổi nhỏ) (Bách Khoa, số 273)*

Sự lắng lòng cần thiết chính là điều mà Trần Huyền Ân mang lại cho người đọc ở phương diện này.

Về hình thức thơ, người đọc cũng có thể nhận diện thơ Trần Huyền Ân bằng một dấu hiệu khá đặc biệt. Vẫn là những bài thơ 7 chữ, 8 chữ, một số ít bài lục bát hoặc ngũ ngôn, nhưng Trần Huyền Ân dường

như muốn phát huy tối đa giá trị biểu đạt của các dấu câu. Trong văn học, dấu câu có thể xuất hiện như một phương tiện ngăn cách hoặc đánh dấu thành phần câu, góp phần xác định mục đích giao tiếp (cảm thán, nghi vấn,...). Thơ cũng dùng dấu câu nhưng do đặc thù hình thức nên dấu câu trong thơ thường ít hơn văn xuôi. Mặt khác, thơ thuộc loại trữ tình nên việc xuất hiện quá nhiều dấu câu có thể khiến cho mạch thơ bị ngắt quãng, làm giảm sự mượt mà vốn có của nó. Trần Huyền Ân đã khéo dùng dấu câu vừa như một phương tiện vừa như một thủ pháp để biểu đạt nội dung và truyền tải cảm xúc đến người đọc. Chẳng hạn mấy câu thơ này:

*Cha nó nghèo, lương giáo viên phụ khuyết*

*Ông nó già, mẹ nó yếu... buồn chưa!?*

*Làng quê nó - đến bao giờ nó biết? -*

*Đã cháy rồi! Còn tro bụi, nắng mưa! (Khi con nừa tuổi) (Bách Khoa, số 159)*

Nhiều loại dấu câu khác nhau đã ngắt mỗi câu thơ thành 2 hoặc 3 phần, trong đó dấu phẩy với khoảng dừng ngắn hơn thực hiện nhiệm vụ đánh dấu sự liệt kê; còn dấu ba chấm, chấm cảm mang lại khoảng lặng dài hơn, chứa đựng nỗi nghẹn ngào chua xót của chủ thể trữ tình. Thêm vào đó, dấu chấm hỏi dùng riêng biệt và cả dùng kết hợp với chấm cảm như xoáy vào lòng người đọc, gây ám ảnh với sự day dứt khôn nguôi. Việc sử dụng dấu câu theo cách đặc biệt để phát huy giá trị biểu đạt của nó đã có từ phong trào Thơ Mới chứ không hẳn là sáng tạo riêng của Trần Huyền Ân, nhưng ông cũng đã có vận dụng phù hợp của mình để đạt hiệu quả nghệ thuật và tạo dấu ấn nhất định đối với người đọc.

Ngoài ra, Trần Huyền Ân còn chọn kết thúc khá nhiều bài thơ bằng dấu ba chấm (hơn 10 bài). Sự kết thúc lửng lơ ấy thường gặp trong thơ khi chủ thể trữ tình không thể nói hết tâm tư của mình bằng con chữ. Với Trần Huyền Ân, điều đọng lại trong lòng người đọc chính là những tình cảm tha thiết và nỗi suy tư, day dứt của tác giả trước cuộc đời:

*Lật xác quân thù...ôi...người bạn cũ*

*Giữa đám voi voi hoa cuện băng tang... (Hoa voi voi) (Bách Khoa, số 207)*

*Màu lá mạ. Ôi sao mà quyến rũ*

*Trong không gian xưa ngọt sữa sinh thành... (Màu lá mạ) (Bách Khoa, số 204)*

*Xin hãy cắt ruột mình cho chảy máu*

*Để tiếng lòng chân thật thiết tha hơn... (Nói với Khiết) (Bách Khoa, số 230)*

Những dấu chấm lửng ấy cũng chính là khoảng trống trong lòng người đọc, khiến họ vẫn nghĩ về bài thơ cả khi câu chữ đã ngừng. Không quá cầu kỳ, cũng không trừu tượng bí hiểm như một số cây bút

cùng thời, Trần Huyền Ân đem lại những bài thơ nhẹ nhàng, những tín hiệu hình thức đơn giản mà thâm thúy để bộc lộ nỗi niềm, và cũng để tạo nên dấu ấn riêng cho mình.

## 5 KẾT LUẬN

Nếu khảo sát báo chí – xuất bản ở đô thị miền Nam 1954-1975, có thể thấy số lượng thơ rất nhiều. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt nên mảng thơ ca này cũng rất phức tạp: có nhóm thơ mượn hình thức nghệ thuật để chống phá cách mạng, có nhóm thơ đứng về phía đất nước, nhân dân; có nhóm thơ trau chuốt hình thức nhưng nội dung mơ hồ hoặc sáo rỗng, có nhóm thơ nặng nghĩa tình nhưng hình thức đơn sơ thiếu gọt giũa... Thực trạng ấy làm cho mảng thơ ca này nhiều về lượng nhưng không đều về chất. Và có hiện tượng khá phổ biến là nhiều cây bút được biết đến do gắn với một vài tác phẩm chứ không phải do cả sự nghiệp sáng tác. Chính vì lẽ đó, việc tìm hiểu một cách khá hệ thống tác phẩm của một nhà thơ có thể góp phần làm rõ sự đa dạng của thơ ca đô thị.

Trần Huyền Ân có thể không hẳn là ngôi bút xuất sắc của văn học đô thị miền Nam, nhưng ông là người sáng tác khá đều tay và tạo được nét riêng nhất định cho tác phẩm của mình. Với tạp chí Bách Khoa, Trần Huyền Ân là cái tên quen thuộc. Với người đọc, Trần Huyền Ân là một thế giới thơ tràn đầy tình cảm, đầy tinh thần trách nhiệm với những khoảng lặng cần thiết giữa bối cảnh lịch sử - xã hội lăm lăm ngùn ngụt lúc bấy giờ. Đọc lại thơ ông sau nửa thế kỷ (tính từ bài đầu tiên của ông trên Bách Khoa), người đọc vẫn thấy thấm thía, gần gũi.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Ngô Châu (chủ bút), 1961-1972. *Bách Khoa* (tạp chí), số 110 đến 378. Nhà in Trí Đăng, Sài Gòn.
- Lê Hoàng, Nguyễn Công Khê và Lê Văn Nuôi (chủ biên) 1993. *Tiếng hát những người đi tới*. Báo Thanh niên – Báo Tuổi trẻ - Nhà xuất bản Trẻ. TP.HCM, 622 trang.
- Hà Phan, 2004. Trần Huyền Ân và 3 mối duyên văn nghệ. Truy cập ngày 28/6/2018. <http://vietbao.vn/Van-hoa/Tran-Huyen-An-va-3-moi-duyen-van-nghe/45122335/181/>
- Võ Phiến, 1999. *Văn học miền Nam*. Nhà xuất bản Văn nghệ, California, 3230 trang.
- Viễn Phương, Đinh Quang Nhã, Võ Ngọc An, Hồng Duệ và Nguyễn Kim Hoa, 1997. *Văn học yêu nước tiền bộ - cách mạng trên văn đàn công khai Sài Gòn 1954 – 1975*. Nhà xuất bản Văn nghệ. TP.HCM, 593 trang.
- Trần Hữu Tá, 2000. *Nhìn lại một chặng đường văn học*. NXB TP. Hồ Chí Minh. TP.HCM. 1089 trang.
- Huỳnh Ái Tông, 2009. *Văn học miền Nam, tập 1*. Hiên Phật học Hoa Kỳ, 598 trang.